TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 184/2021/QĐST-HNGĐ	*Thủ Dầu Một, ngày 30 tháng 11 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 180/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2021 về việc "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung, chia tài sản khi ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà N T M T, sinh năm 1984; hộ khẩu thường trú: ….. Đường Lê Duẩn, phường E T, thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk; tạm trú: Số …. Khu phố 6, phường Đ , thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

2. Ông P V T, sinh năm 1983; hộ khẩu thường trú: Thôn R, xã B M, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định; tạm trú:…. Khu phố 6, phường Đ H, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 07 tháng 10 năm 2021, các bên nộp đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự. Các bên đều hiện đang cư trú tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nên đơn yêu cầu được Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

- Về hôn nhân: Bà Tvà ông T chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B M, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 61/2011 ngày 07/6/2011. Hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện.

Trong quá trình chung sống, các bên thừa nhận phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc, xác định tình cảm vợ chồng không còn, không đồng ý đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn. Quá trình giải quyết Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng các bên vẫn giữ nguyên yêu cầu theo đơn. Vì vậy Tòa án lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 22/11/2021.

- Về con chung: Bà Toan trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N P A, sinh ngày 04/11/2011. Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các bên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Xét thấy bà T và ông T đã thực sự tự nguyện ly hôn. Sự thỏa thuận đó là tự nguyện, phù hợp các quy định pháp luật. Do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một chấp nhận đơn yêu cầu của các bên.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của bà N T M T và ông P V T.

- Về con chung: Bà N T M T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu P N P A, sinh ngày 04/11/2011. Ông P V T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bà T và ông T đều có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở ông, bà thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông bà N T M T và ông P V T mỗi người phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm

ứng lệ phí số AA/2016/0000581 ngày 08/11/2021 của Chi Cục thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Uỷ ban nhân dân xã B M, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Quý